TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11-TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 245/2025/DS-ST
Ngày: 12-12-2025
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11-TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bạch Tuyết;

2. Bà Hồ Thị Mỹ Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Trúc Linh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 11-Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11-Tây Ninh *tham gia phiên tòa:* bà Nguyễn Lâm Hà Thuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11-Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2025/TLST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2025 về "tranh chấp hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2025/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964, cư trú tại: Ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh (đã chết).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1992, chị Nguyễn Nguyên L1, sinh năm 1995, anh Nguyễn Phú H, sinh năm 2001; cùng cư trú tại: Ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh; anh D, anh H, chị L1 vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng: Chị Nguyễn Nguyên L1, sinh năm 1995, cư trú tại: Ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh; là người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Phú H (văn bản ủy quyền ngày 21 tháng 10 năm 2025), vắng mặt.

2. Bị đơn: bà Nguyễn Thị Kim D1, sinh năm 1974; cư trú tại: tổ A, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (nay là tổ A, ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12 tháng 3 năm 2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị L trình bày:

Vào tháng 6/2022 dương lịch (không nhớ ngày), bà Nguyễn Thị Kim D1 có tham gia góp 01 phần hụi trong dây hụi 5.000.000 đồng do bà làm chủ hụi, hụi gồm 21 phần, bà D1 đóng được 08 kỳ, đến kỳ thứ 9 thì bà D1 hốt hụi (hốt được số tiền bao nhiêu thì bà không nhớ, do thời gian lâu). Bà chỉ nhớ số tiền bà D1 nợ bà là 12 kỳ hụi chết x 5.000.000 đồng = 60.000.000 đồng. Đến ngày 22/02/2023 dương lịch hai bên làm giấy tay hốt hụi nội dung bà D1 còn nợ bà tiền hụi 60.000.000 đồng. Sau khi hốt hụi, bà D1 đóng được cho bà 02 kỳ hụi chết số tiền 10.000.000 đồng. Hiện tại bà D1 nợ bà 1 kỳ hụi chết số tiền 50.000.000 đồng. Trong quá trình tham gia góp hụi, bà D1 là người trực tiếp đóng tiền hụi cho bà. Bà D1 cũng tham gia khui hụi đầy đủ. Ngoài số tiền nợ hụi 50.000.000 đồng bà D1 không nợ bà bất kỳ khoản tiền nào khác.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị L - anh Nguyễn Văn D, chị Nguyễn Nguyên L1, anh Nguyễn Phú H trình bày:

Bà Nguyễn Thị L và ông Huỳnh Văn S chung sống với nhau không đăng ký kết hôn và có 03 người con chung gồm: Nguyễn Văn D, Nguyễn Nguyên L1 và Nguyễn Phú H. Bà L chết ngày 21/9/2025 theo giấy chứng tử ngày 24/9/2025. Mẹ ruột của bà L là bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1940, chết ngày 09/4/2007; ba ruột của bà L đã chết từ lâu tại Campuchia không có thông tin. Anh chị tham gia tố tụng với tư cách là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà L, anh chị yêu cầu Tòa án căn cứ các chứng cứ có trong hồ sơ do bà L cung cấp để giải quyết vụ án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L đối với bà D1.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim D1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bà D1 vắng mặt không có lý do, không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình và cung cấp lời khai đối với yêu cầu của nguyên đơn, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa: Các đương sự vắng mặt tại phiên toà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11-Tây Ninh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, lập hồ sơ vụ án theo quy định; xác định quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, người tham gia tố tụng; xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ; tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về thụ lý vụ án; thực hiện đúng thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án.

Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự; Điều 16 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu phường, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn có nghĩa vụ trả 50.000.000 đồng, ghi nhận nguyên đơn không yêu cầu tính tiền lãi. Về án phí: bà D1 phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:

[1.1] Bà Nguyễn Thị L khởi kiện bà Nguyễn Thị Kim D1, địa chỉ: tổ A, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (nay là tổ A, ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh) yêu cầu trả số tiền nợ hụi. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng góp hụi, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11-Tây Ninh.

[1.2] Bà Nguyễn Thị L chết ngày 21/9/2025, Ủy ban nhân dân xã T cấp giấy chứng tử số 70 ngày 24/9/2025. Tòa án đã thông báo những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà L gồm: Anh Nguyễn Văn D, chị Nguyễn Nguyên L1, anh Nguyễn Phú H tham gia tố tụng với tư cách người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn.

- Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét hợp đồng góp hụi, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp địa chỉ nơi cư trú của bị đơn theo địa chỉ được ghi trong hợp đồng nhưng bị đơn thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng mà không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới nên được coi là cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương về địa chỉ nơi cư trú xác định bà D1 vắng mặt tại

nơi cư trú tại: tổ A, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (nay là tổ A, ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh) và không rõ địa chỉ nơi cư trú mới, không xác định thời điểm trở về nên không thể cấp, tống đạt, thông báo trực tiếp văn bản tố tụng cho bà D1. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bà D1 để giao nộp văn bản ghi ý kiến, cung cấp lời khai đối với yêu cầu của nguyên đơn, thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà D1 vắng mặt không có lý do. Bà D1 có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ chứng minh nhưng không đưa ra được chứng cứ. Căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 91; Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập được trong hồ sơ để giải quyết vụ việc dân sự. Bà D1 phải chịu hậu quả pháp lý về việc không giao nộp đầy đủ chứng cứ bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Bà Nguyễn Thị L cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ là 01 (một) Giấy hốt hụi ngày 22/02/2023 dương lịch nội dung thể hiện bà D1 có hốt 01 dây hụi 5.000.000 đồng gồm 21 phần do bà L làm chủ hụi. Bà D1 còn nợ lại 12 tháng x 5.000.000 đồng = 60.000.000 đồng, có ký tên, lăn tay và ghi họ tên Nguyễn Thị Kim D1. Bà D1 đã đóng cho bà L được số tiền hụi 10.000.000 đồng, còn lại 50.000.000 đồng. Lời trình bày của bà L phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp, giao nộp cho Tòa án và tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ căn cứ xác định việc tham gia góp hụi giữa các bên là sự thật.

Bà Nguyễn Thị Kim D1 đã vi phạm nghĩa vụ của thành viên khi tham gia góp hụi. Căn cứ Điều 471 của Bộ luật Dân sự, Điều 16 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu phường, bà L yêu cầu bà D1 trả số tiền nợ hụi 50.000.000 đồng là có căn cứ.

[2.2] Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Nguyễn Thị Kim D1 có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Văn D, chị Nguyễn Nguyên L1, anh Nguyễn Phú H là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị L số tiền nợ hụi 50.000.000 đồng. Ghi nhận bà L không yêu cầu tính tiền lãi.

[3] Về án phí: căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị Kim D1 phải chịu 2.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 16 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu phường; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đối với bà Nguyễn Thị Kim D1 về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi".

Buộc bà Nguyễn Thị Kim D1 có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Văn D, chị Nguyễn Nguyên L1, anh Nguyễn Phú H (là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị L) số tiền nợ hụi 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng. Ghi nhận bà L không yêu cầu tính tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim D1 phải chịu 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị L thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ này nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 11-Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Phương